BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING

DỰ THẢO

LUẬT GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(SỬA ĐỔI)

(Dự thảo và các tài liệu kèm theo)

Ý KIẾN ĐÓNG GÓP GỬI VỀ

luatgiaoducdaihoc@moet.edu.vn

Hà Nội, tháng 6 năm 2025

QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Luật số: /QH	*Hà Nội, ngày tháng năm 202*

Dự thảo 2

LUẬT GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật Giáo dục đại học.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về hoạt động giáo dục đại học; tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học; quyền, nghĩa vụ của tổ chức và cá nhân tham gia giáo dục đại học; trách nhiệm của Nhà nước trong quản lý và phát triển giáo dục đại học.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục khác có hoạt động giáo dục đại học (sau đây gọi chung là cơ sở đào tạo), giảng viên và người học, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến giáo dục đại học.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hoạt động giáo dục đại học* là những hoạt động xây dựng, phát triển chương trình đào tạo và các điều kiện bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo, tuyển sinh và đào tạo để thực hiện chương trình đào tạo, đánh giá và kiểm định chất lượng đối với giáo dục đại học.

2. *Cấp quản lý trực tiếp* là thủ trưởng cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp hoặc nhà đầu tư của cơ sở đào tạo.

3. *Quyền tự chủ* là quyền được chủ động quyết định và chịu trách nhiệm giải trình về các mặt hoạt động trong khuôn khổ của pháp luật.

4. *Trách nhiệm giải trình* là nghĩa vụ trong việc cung cấp thông tin, báo cáo, công khai và chịu giám sát từ các cơ quan có thẩm quyền, tổ chức liên quan và xã hội.

5. *Tự do học thuật* là quyền của giảng viên, người học và cơ sở đào tạo trong việc giảng dạy, học tập, nghiên cứu và công bố kết quả học thuật theo chuẩn mực nghề nghiệp và quy định pháp luật.

6. *Danh mục thống kê ngành đào tạo* là danh mục ngành đào tạo các trình độ của giáo dục đại học thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

7. *Ngành đào tạo* (sau đây gọi tắt là *ngành*) là đơn vị phân loại các chương trình đào tạo có cùng mục tiêu, nội dung kiến thức, kỹ năng chuyên môn và nghề nghiệp, được quy định trong Danh mục thống kê ngành đào tạo.

8. *Nhóm ngành đào tạo* (sau đây gọi tắt là *nhóm ngành*) là đơn vị phân loại các ngành đào tạo có cùng nền tảng kiến thức và kỹ năng chuyên môn, được quy định trong Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

9. *Lĩnh vực đào tạo* (sau đây gọi tắt là *lĩnh vực*) là đơn vị phân loại các nhóm ngành đào tạo có đặc điểm chung về chuyên môn và nghề nghiệp, được quy định trong Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

10. *Chương trình đào tạo* là hệ thống hoạt động được thiết kế và tổ chức để đạt được mục tiêu đào tạo làm căn cứ cấp văn bằng hoặc chứng chỉ.

11. *Hợp tác* là hoạt động phối hợp, chia sẻ nguồn lực trên cơ sở thỏa thuận giữa cơ sở đào tạo với một hoặc nhiều đối tác để nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục đại học.

12. *Liên kết đào tạo* là hình thức hợp tác giữa hai hoặc nhiều cơ sở giáo dục đại học theo quy định của pháp luật để cùng thực hiện một chương trình đào tạo cấp văn bằng, chứng chỉ nhưng không thành lập pháp nhân mới.

13. *Cơ sở dữ liệu giáo dục đại học* là một thành phần của cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo, được tổ chức thành hệ thống thu thập, lưu trữ, kết nối và chia sẻ thông tin về tổ chức, hoạt động, kết quả và điều kiện bảo đảm chất lượng của các cơ sở giáo dục đại học.

14. *Đầu tư trong giáo dục đại học* là việc tổ chức, cá nhân trong nước hoặc nước ngoài góp vốn, tài sản hoặc hợp tác theo hình thức đối tác công - tư với cơ sở giáo dục đại học để xây dựng cơ sở vật chất, phát triển chương trình đào tạo, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động giáo dục đại học

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, gắn quyền tự chủ với trách nhiệm giải trình; bảo đảm hiệu lực quản lý nhà nước và sự giám sát của xã hội.

2. Bảo đảm chất lượng, hiệu quả, công bằng và bình đẳng trong tiếp cận giáo dục đại học, tạo điều kiện học tập suốt đời cho mọi người.

3. Gắn kết đào tạo với nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

4. Bảo đảm liêm chính học thuật và trách nhiệm phục vụ cộng đồng.

5. Thúc đẩy hợp tác và cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch giữa các cơ sở giáo dục dựa trên chất lượng và hiệu quả hoạt động.

Điều 5. Chương trình đào tạo, trình độ và mục tiêu đào tạo

1. Chương trình đào tạo giáo dục đại học được xây dựng theo các trình độ sau:

a) Trình độ đại học;

b) Trình độ thạc sĩ;

c) Trình độ tiến sĩ.

2. Mục tiêu chương trình đào tạo:

a) Chương trình đào tạo trình độ đại học được thiết kế để trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng, năng lực nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển cá nhân và thị trường lao động.

b) Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ được thiết kế để giúp người học phát triển kiến thức, kỹ năng chuyên sâu; năng lực nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp trong môi trường chuyên nghiệp.

c) Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ được thiết kế để hỗ trợ người học hoàn thiện kiến thức, kỹ năng chuyên sâu và cập nhật; năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo tri thức mới, đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ và giáo dục trình độ cao.

3. Các chương trình đào tạo cấp văn bằng giáo dục đại học bao gồm:

a) Chương trình đào tạo đại học cấp bằng cử nhân yêu cầu người học tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc có trình độ tương đương trở lên;

b) Chương trình đào tạo thạc sĩ cấp bằng thạc sĩ yêu cầu người học có trình độ đại học trở lên hoặc được thiết kế tích hợp với chương trình đào tạo đại học cho người đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc có trình độ tương đương;

c) Chương trình đào tạo tiến sĩ cấp bằng tiến sĩ yêu cầu người học có trình độ thạc sĩ trở lên hoặc được thiết kế tích hợp với chương trình đào tạo thạc sĩ cho người có trình độ đại học;

d) Chương trình đào tạo chuyên sâu trong một số lĩnh vực đặc thù cấp văn bằng trình độ tương đương theo quy định của Chính phủ cho đối tượng người học quy định tại điểm a khoản này.

4. Chương trình đào tạo cấp chứng chỉ giáo dục đại học là chương trình được thực hiện để cập nhật kiến thức, chuyển đổi kỹ năng, nâng cao năng lực và đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người học và không thuộc quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 6. Tự chủ đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học thực hiện quyền tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình trên cơ sở bảo đảm năng lực quản trị và tuân thủ pháp luật.

2. Quyền tự chủ bị hạn chế khi cơ sở giáo dục đại học không đáp ứng tiêu chuẩn bảo đảm chất lượng hoặc có hành vi vi phạm các quy định hiện hành về hoạt động giáo dục đại học.

3. Chính phủ quy định chi tiết phạm vi tự chủ, hình thức thực hiện trách nhiệm giải trình và cơ chế giám sát, hạn chế quyền tự chủ.

Điều 7. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục đại học

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giáo dục đại học.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục đại học.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục đại học trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục đại học theo phân quyền, phân cấp, phân định ủy quyền của Chính phủ và theo quy định của pháp luật; tổ chức triển khai chiến lược, kế hoạch, quy hoạch phát triển giáo dục đại học; thực hiện thanh tra, kiểm tra tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học tại địa phương.

5. Chính phủ quy định chi tiết nội dung và trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục đại học.

Điều 8. Kế hoạch chiến lược phát triển giáo dục đại học

1. Kế hoạch chiến lược phát triển giáo dục đại học xác định định hướng tổng thể nhằm phát triển hệ thống giáo dục đại học phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và nguồn nhân lực quốc gia.

2. Kế hoạch chiến lược được xây dựng theo từng giai đoạn, bảo đảm tầm nhìn dài hạn, định kỳ rà soát, điều chỉnh để đáp ứng yêu cầu thực tiễn và xu thế phát triển.

3. Nội dung kế hoạch chiến lược bao gồm: định hướng phát triển hệ thống cơ sở giáo dục đại học; phát triển vùng, ngành đào tạo trọng điểm, ngành ưu tiên và các cơ sở đào tạo có vai trò chiến lược.

4. Nhà nước bảo đảm và bố trí nguồn lực để thực hiện kế hoạch chiến lược; đồng thời khuyến khích huy động các nguồn lực hợp pháp khác.

5. Thủ tướng Chính phủ quyết định, tổ chức thực hiện, chỉ đạo điều chỉnh và đánh giá việc thực hiện kế hoạch chiến lược; bảo đảm sự phối hợp giữa các bộ, cơ quan, địa phương và tổ chức có liên quan.

Điều 9. Chuẩn cơ sở giáo dục đại học

1. Chuẩn cơ sở giáo dục đại học quy định những yêu cầu tối thiểu về điều kiện bảo đảm chất lượng và chỉ số hoạt động cốt lõi của cơ sở đào tạo; là căn cứ để đánh giá, giám sát hiệu quả hoạt động giáo dục đại học.

2. Chính phủ ban hành chuẩn cơ sở giáo dục đại học, quy định thẩm quyền áp dụng, đánh giá và giám sát mức độ đạt chuẩn cơ sở giáo dục đại học.

Điều 10. Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học chủ động triển khai ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và các công nghệ tiên tiến khác trong quản trị, đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Việc ứng dụng công nghệ tiên tiến phải bảo đảm:

a) Tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin, sở hữu trí tuệ và quyền con người trong môi trường số;

b) Tôn trọng giá trị học thuật, hỗ trợ phát triển tư duy phản biện, sáng tạo, năng lực tự học và học tập suốt đời của người học;

c) Công khai, minh bạch về vận hành và kết quả sử dụng;

d) Có cơ chế kiểm soát, đánh giá tác động và xử lý rủi ro.

3. Việc phát triển năng lực số, năng lực sử dụng công nghệ tiên tiến cho giảng viên, người học và cán bộ quản lý được lồng ghép phù hợp trong các chương trình đào tạo và bồi dưỡng của cơ sở đào tạo.

4. Cơ sở đào tạo ban hành hướng dẫn sử dụng công nghệ tiên tiến bảo đảm liêm chính học thuật, quyền lợi của người học và quyền sở hữu trí tuệ.

5. Nhà nước tạo điều kiện phát triển nền tảng học tập số, hệ thống đánh giá và các giải pháp công nghệ tiên tiến trong hoạt động giáo dục đại học, đặc biệt của cơ sở đào tạo ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

6. Chính phủ quy định chi tiết về ứng dụng công nghệ tiên tiến trong giáo dục đại học phù hợp với từng giai đoạn phát triển và thực tiễn Việt Nam.

Điều 11. Cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục khác có hoạt động giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học là cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật này và pháp luật khác có liên quan.

2. Cơ sở giáo dục khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có hoạt động giáo dục đại học (sau đây gọi tắt là cơ sở giáo dục khác), bao gồm:

a) Viện hàn lâm, viện nghiên cứu do Thủ tướng Chính phủ thành lập, có chức năng đào tạo trình độ tiến sĩ;

b) Trường, cơ sở giáo dục của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và lực lượng vũ trang nhân dân, có chức năng đào tạo một số trình độ giáo dục đại học thuộc phạm vi lĩnh vực chuyên môn tương ứng;

c) Cơ sở giáo dục được thành lập theo điều ước quốc tế hoặc theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, có chức năng đào tạo một số trình độ giáo dục đại học.

3. Cơ sở giáo dục đại học có các quyền sau đây:

a) Xác định mục tiêu, sứ mạng, chiến lược và định hướng phát triển;

b) Tổ chức cơ cấu, tuyển dụng, quản lý và sử dụng đội ngũ giảng viên, người lao động theo quy định của pháp luật;

c) Triển khai chương trình đào tạo; tổ chức tuyển sinh, đào tạo, đánh giá và cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức nghiên cứu khoa học, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển giao tri thức;

đ) Quản lý tài chính, tài sản, khai thác và sử dụng các nguồn lực hợp pháp phục vụ hoạt động giáo dục đại học;

e) Thực hiện hoạt động hợp tác và đầu tư với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật;

g) Thực hiện các quyền khác theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

4. Cơ sở giáo dục đại học có các trách nhiệm sau đây:

a) Bảo đảm chất lượng đào tạo, thực hiện nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo;

b) Công khai thông tin về tổ chức, hoạt động, chất lượng, tài chính theo quy định của pháp luật;

c) Bảo đảm an toàn học thuật và tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin, quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động hợp tác quốc tế;

d) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; trách nhiệm xã hội và trách nhiệm với cộng đồng;

đ) Tuân thủ quy định của pháp luật về điều kiện, trình tự, thủ tục và trách nhiệm trong hoạt động hợp tác và đầu tư với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;

e) Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người học, giảng viên, người lao động và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động giáo dục đại học;

g) Cung cấp, cập nhật vào cơ sở dữ liệu giáo dục đại học, khai thác và sử dụng dữ liệu theo quy định của pháp luật.

5. Cơ sở giáo dục khác thực hiện các quyền và trách nhiệm liên quan đến hoạt động giáo dục đại học như cơ sở giáo dục đại học.

Chương II
TỔ CHỨC VÀ QUẢN TRỊ CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Điều 12. Loại hình, sứ mạng và chức năng của cơ sở giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học được tổ chức theo loại hình công lập hoặc tư thục, bao gồm:

a) Đại học (bao gồm cả đại học quốc gia và đại học vùng): đào tạo đa lĩnh vực, quy mô lớn, thực hiện đào tạo ở tất cả các trình độ của giáo dục đại học;

b) Trường đại học (bao gồm cả học viện có tổ chức và hoạt động tương đương): đào tạo nhiều ngành ở các trình độ của giáo dục đại học;

c) Học viện sau đại học: đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trong một số ngành, lĩnh vực chuyên sâu.

3. Cơ sở giáo dục đại học có sứ mạng và chức năng đào tạo nhân lực trình độ cao, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển giao tri thức và phục vụ xã hội.

4. Đại học quốc gia có sứ mạng là trung tâm đào tạo chất lượng cao, phát triển nhân tài, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo hàng đầu; thực hiện nhiệm vụ chiến lược phát triển quốc gia và hội nhập quốc tế.

5. Đại học vùng có sứ mạng là trung tâm đào tạo chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo của vùng; thực hiện nhiệm vụ phát triển vùng và góp phần thực hiện chiến lược phát triển quốc gia.

6. Chính phủ quy định thẩm quyền, điều kiện và trình tự, thủ tục thành lập, công nhận, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đặt tên, đổi tên cơ sở giáo dục đại học.

Điều 13. Cơ cấu tổ chức của cơ sở giáo dục đại học

1. Cơ cấu tổ chức của cơ sở giáo dục đại học bao gồm:

a) Hội đồng trường (gồm hội đồng đại học, hội đồng trường đại học, hội đồng học viện); cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các trường đại học thành viên của đại học quốc gia, đại học vùng không tổ chức hội đồng trường.

b) Giám đốc đại học, hiệu trưởng trường đại học, giám đốc học viện, các phó giám đốc; phó hiệu trưởng;

c) Hội đồng khoa học và đào tạo, các hội đồng tư vấn khác;

d) Trường đại học thành viên thuộc đại học quốc gia hoặc đại học vùng; trường thuộc đại học, khoa, viện, trung tâm nghiên cứu và các đơn vị chuyên môn tương đương;

đ) Các đơn vị quản lý và phục vụ gồm phòng, ban và các đơn vị hành chính khác;

e) Các cơ sở dịch vụ, sản xuất, kinh doanh và đơn vị khác.

2. Cơ sở giáo dục đại học có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức đại diện của người học, người lao động theo quy định của pháp luật.

3. Cơ sở giáo dục đại học quy định cụ thể cơ cấu tổ chức trong quy chế tổ chức và hoạt động, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 14. Hội đồng trường

1. Hội đồng trường là tổ chức quản trị của cơ sở giáo dục đại học, đại diện cho các bên liên quan; thực hiện chức năng quyết định định hướng phát triển, cơ

cấu tổ chức, phân bổ và sử dụng nguồn lực, giám sát việc thực hiện chiến lược và trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục đại học.

2. Hội đồng trường làm việc theo nguyên tắc tập thể, dân chủ, quyết định theo đa số; chịu trách nhiệm trước pháp luật và các bên liên quan về các nghị quyết đã ban hành; không tham gia hoạt động quản lý, điều hành cơ sở giáo dục đại học.

3. Thành phần hội đồng trường bao gồm lãnh đạo của cơ sở giáo dục đại học, đại diện cấp quản lý trực tiếp cơ sở giáo dục đại học, người học, giảng viên, người lao động, nhà tuyển dụng, tổ chức xã hội và các bên liên quan khác; bảo đảm tính đại diện, khách quan và phù hợp với loại hình cơ sở giáo dục đại học.

4. Chủ tịch hội đồng trường điều hành hoạt động của hội đồng trường, điều phối mối quan hệ giữa hội đồng trường với hiệu trưởng, chịu trách nhiệm trước hội đồng trường và pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được giao.

5. Cấp quản lý trực tiếp cơ sở giáo dục đại học quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch hội đồng trường, phó chủ tịch hội đồng trường (nếu có) và công nhận danh sách thành viên hội đồng trường nhiệm kỳ đầu tiên.

6. Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng trường; số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, nhiệm vụ, trách nhiệm, nhiệm kỳ, điều kiện, thủ tục quyết định về nhân sự chủ tịch và các thành viên hội đồng trường; cơ chế hoạt động, việc đánh giá, giám sát hoạt động của hội đồng trường.

Điều 15. Giám đốc đại học, hiệu trưởng trường đại học, giám đốc học viện

1. Giám đốc đại học, hiệu trưởng trường đại học, giám đốc học viện là người đại diện theo pháp luật, chịu trách nhiệm quản lý, điều hành hoạt động của cơ sở giáo dục đại học theo quy định của pháp luật, quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học.

2. Thủ tướng Chính phủ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm giám đốc và phó giám đốc đại học quốc gia; cấp quản lý trực tiếp quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học công lập khác; hội đồng trường quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học tư thục.

3. Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu chuẩn, nhiệm kỳ, điều kiện, thủ tục bổ nhiệm giám đốc đại học, hiệu trưởng trường đại học, giám đốc học viện; việc đánh giá, giám sát thực hiện nhiệm vụ của hiệu trưởng.

Điều 16. Hội đồng khoa học và đào tạo

1. Hội đồng khoa học và đào tạo là tổ chức tư vấn chuyên môn, học thuật; thực hiện chức năng tư vấn, phản biện về chính sách, định hướng phát triển đội ngũ giảng viên, hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế và các hoạt động chuyên môn, học thuật khác.

2. Hội đồng khoa học và đào tạo làm việc theo nguyên tắc tập thể, dân chủ, quyết định theo đa số; chịu trách nhiệm trước hội đồng trường và hiệu trưởng về những nội dung tư vấn.

3. Thành phần hội đồng khoa học và đào tạo gồm đại diện lãnh đạo cơ sở giáo dục đại học, giảng viên, nhà khoa học và chuyên gia có uy tín, được lựa chọn phù hợp với lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu của cơ sở.

4. Hội đồng trường phê duyệt chức danh chủ tịch và danh sách thành viên hội đồng khoa học và đào tạo theo đề nghị của hiệu trưởng. Trong trường hợp cơ sở giáo dục đại học không có hội đồng trường, hiệu trưởng quyết định chủ tịch và danh sách thành viên hội đồng khoa học và đào tạo theo quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học.

5. Tên gọi, cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của hội đồng khoa học và đào tạo, quy trình thành lập hội đồng khoa học và đào tạo được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học.

Điều 17. Trường, khoa và đơn vị chuyên môn khác

1. Trường thuộc đại học, khoa và đơn vị chuyên môn khác thuộc cơ sở giáo dục đại học là đơn vị không có tư cách pháp nhân, có chức năng trực tiếp tổ chức đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và phục vụ cộng đồng trong phạm vi ngành, lĩnh vực được phân công.

2. Trường thuộc đại học bao gồm nhiều khoa, đào tạo nhiều ngành ở tất cả trình độ giáo dục đại học; được phân cấp quản lý, đáp ứng điều kiện hoạt động của một tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

3. Trường thuộc đại học, khoa, đơn vị chuyên môn có liên kết hợp tác với cơ sở giáo dục đại học nước ngoài được thành lập theo quy định của pháp luật.

4. Việc thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể, phân cấp quản lý đối với trường, khoa và đơn vị chuyên môn khác thực hiện theo quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

Điều 18. Phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học

1. Phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định đối với cơ sở giáo dục đại học tư thục do nhà đầu tư nước ngoài thành lập và bảo đảm điều kiện hoạt động.

2. Phân hiệu, văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục đại học Việt Nam được thành lập ở nước ngoài không thuộc cơ cấu tổ chức của cơ sở giáo dục đại học trong nước quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật này.

3. Phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học trong nước là địa điểm đào tạo đặt tại địa phương khác với địa phương nơi đặt trụ sở chính của cơ sở giáo dục đại học, do cơ sở giáo dục đại học quyết định thành lập, được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoạt động khi phù hợp quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và bảo đảm các điều kiện hoạt động giáo dục đại học.

3. Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục, thẩm quyền quyết định thành lập, công nhận, đặt tên, đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, tổ chức lại, giải thể phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương III
HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Điều 19. Đăng ký hoạt động giáo dục đại học

1. Phạm vi đăng ký hoạt động giáo dục đại học bao gồm: trình độ đào tạo; lĩnh vực, nhóm ngành đào tạo; địa điểm đào tạo, bao gồm cả các địa điểm khác ngoài trụ sở chính và hoạt động đào tạo trên không gian số.

2. Cơ sở đào tạo chỉ tổ chức các hoạt động giáo dục đại học trong phạm vi đăng ký và được phép hoạt động.

3. Chính phủ quy định thẩm quyền, điều kiện, thủ tục đăng ký hoạt động giáo dục đại học, cho phép, đình chỉ, chấm dứt hoạt động giáo dục đại học.

Điều 20. Chuẩn chương trình đào tạo

1. Chuẩn chương trình đào tạo là những yêu cầu chung trong xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo, là căn cứ để xây dựng, rà soát, đánh giá, giám sát, phê duyệt, đình chỉ và chấm dứt thực hiện chương trình đào tạo.

2. Chuẩn chương trình đào tạo bảo đảm:

a) Thực hiện mục tiêu đào tạo theo quy định của Luật này, đáp ứng các yêu cầu cụ thể theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

b) Thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ trong thiết kế và thực hiện chương trình đào tạo;

c) Triển khai áp dụng các phương thức tổ chức đào tạo linh hoạt, tạo điều kiện cho người học liên thông, học tập suốt đời.

3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chuẩn chương trình đào tạo của các trình độ đào tạo theo lĩnh vực, nhóm ngành hoặc ngành đào tạo; hướng dẫn việc áp dụng, đánh giá và giám sát mức độ đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo.

Điều 21. Xây dựng chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo được thiết kế đơn ngành hoặc liên ngành và thuộc Danh mục thống kê ngành đào tạo; có thể tích hợp một số học phần ở trình độ cao hơn nhằm hỗ trợ người học phát triển năng lực nền tảng và tiếp cận trình độ đào tạo kế tiếp theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

2. Chương trình đào tạo phải được rà soát, cập nhật, cải tiến định kỳ nhằm nâng cao chất lượng, bảo đảm phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ và nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

3. Cơ sở đào tạo tự chủ xây dựng, ban hành chương trình đào tạo, phát triển chương trình đào tạo chất lượng cao, bảo đảm đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo trừ chương trình thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng phải được Bộ Công an, Bộ Quốc phòng phê duyệt.

Điều 22. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo

1. Cơ sở đào tạo tự chủ triển khai chương trình đào tạo thuộc phạm vi hoạt động giáo dục đại học được cấp phép trừ những chương trình quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt thực hiện:

a) Các chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ;

b) Các chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực đào tạo giáo viên, khoa học sức khỏe và pháp luật;

c) Các chương trình đào tạo do cơ quan có thẩm quyền đặt hàng đào tạo nhân lực, giao nhiệm vụ và cấp ngân sách thực hiện;

d) Các chương trình đào tạo bị đình chỉ do vi phạm quy định về hoạt động giáo dục đại học đã khắc phục được đầy đủ các hạn chế theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết quy trình đăng ký thực hiện chương trình đào tạo; việc đình chỉ, chấm dứt hoặc cho phép hoạt động lại của chương trình đào tạo không đáp ứng điều kiện thực hiện hoặc có vi phạm quy định khác của pháp luật.

Điều 23. Tuyển sinh

1. Cơ sở giáo dục tự chủ xác định chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh đối với các chương trình đào tạo đủ điều kiện thực hiện, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này; bảo đảm đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục đại học, chuẩn chương trình đào tạo và quy chế tuyển sinh do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Bộ trưởng Bộ Công an và Bộ Quốc phòng quyết định chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng; Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh đào tạo giáo viên và của các chương trình đào tạo khác do cơ quan có thẩm quyền đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ đào tạo và cấp ngân sách thực hiện.

3. Việc tổ chức tuyển sinh được thực hiện theo nguyên tắc khách quan, công khai, minh bạch, công bằng và tạo thuận lợi cho người học; cơ sở đào tạo vi phạm quy định về tuyển sinh bị xử lý theo quy định của pháp luật và bị xem xét đình chỉ, chấm dứt tuyển sinh đối với chương trình đào tạo có liên quan.

Điều 24. Tổ chức đào tạo

1. Chương trình đào tạo được tổ chức linh hoạt, đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng và học tập suốt đời của người học.

2. Hình thức đào tạo gồm:

a) Đào tạo chính quy[1] thực hiện chương trình theo hình thức tập trung toàn thời gian tại các địa điểm được cấp phép hoạt động;

b) Đào tạo thường xuyên[2] thực hiện chương trình theo thời gian linh hoạt, phù hợp với điều kiện của người học.

3. Phương thức tổ chức đào tạo gồm:

a) Trực tiếp;

b) Từ xa, bao gồm đào tạo trực tuyến;

c) Kết hợp giữa trực tiếp và từ xa.

4. Giáo dục đại học số là mô hình tổ chức đào tạo được triển khai thông qua các hình thức và phương thức quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, trên cơ sở sử dụng nền tảng số và cập nhật công nghệ mới, chia sẻ dữ liệu và tài nguyên giữa các cơ sở đào tạo, cơ quan quản lý, tổ chức kiểm định, doanh nghiệp công nghệ và các bên liên quan.

5. Việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập được thực hiện như sau:

a) Kết quả học tập tích lũy của người học được xem xét công nhận và chuyển đổi giữa các trình độ, hình thức và phương thức đào tạo, tạo điều kiện liên thông và học tập suốt đời;

b) Người học hoàn thành một phần chương trình đào tạo được cấp chứng chỉ xác nhận kết quả học tập đã tích lũy.

6. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức đào tạo, hướng dẫn điều kiện, tiêu chuẩn triển khai các hình thức, phương thức đào tạo và mô hình giáo dục đại học số; quy định việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập cho người học.

Điều 25. Chính sách đào tạo nguồn nhân lực

1. Nhà nước có chính sách đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, bảo đảm cơ cấu ngành nghề, trình độ và chất lượng đào tạo phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế và chuyển đổi số quốc gia.

2. Nhà nước ưu tiên đầu tư đào tạo nhân lực chất lượng cao, gắn với nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các ngành, lĩnh vực:

a) Khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt, công nghệ nguồn, công nghệ chiến lược;

b) Các ngành then chốt, ngành mũi nhọn phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

c) Các lĩnh vực đặc thù đáp ứng yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh, chủ quyền quốc gia, phát triển vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo.

[1] Tập trung
[2] Không tập trung

3. Nhà nước thực hiện chính sách ưu tiên, hỗ trợ đào tạo nhân lực chất lượng cao đáp ứng phát triển vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo.

4. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở đào tạo nghề nghiệp liên kết với doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu khoa học và tổ chức trong nước, quốc tế để đào tạo theo nhu cầu xã hội, gắn với thực hành, thực tế, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

5. Nhà nước có chính sách thúc đẩy phát triển hệ thống đào tạo mở, linh hoạt, bảo đảm quyền học tập suốt đời của công dân; hỗ trợ người học thuộc nhóm yếu thế, người học ngành nghề khó tuyển, ngành nghề phục vụ phát triển bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu.

6. Chính phủ quy định tiêu chí, điều kiện, cơ chế đầu tư, hỗ trợ đào tạo theo quy định tại Điều này; Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục ngành, lĩnh vực được ưu tiên đào tạo theo từng giai đoạn.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 26. Chính sách về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học là trung tâm nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với đào tạo, thu hút và phát triển nhân tài.

2. Cơ sở giáo dục đại học thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo theo sứ mạng và mục tiêu; được Nhà nước giao nhiệm vụ theo hình thức cạnh tranh, phù hợp với tiềm lực và hiệu quả hoạt động.

3. Cơ sở giáo dục đại học được hưởng quyền, chính sách ưu đãi và hỗ trợ theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và sở hữu trí tuệ.

4. Nhà nước có cơ chế thúc đẩy hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học, cơ quan quản lý, viện nghiên cứu và doanh nghiệp; giữa các nhóm nghiên cứu, các nhà khoa học; thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

5. Nhà nước có chính sách thu hút, trọng dụng đội ngũ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu gắn với đào tạo sau đại học; hỗ trợ học bổng, tài trợ nghiên cứu cho nghiên cứu sinh.

6. Chính phủ quy định chi tiết hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học.

Điều 27. Hoạt động khoa học, công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học gắn với đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên, nhà khoa học và mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục đại học.

2. Nội dung hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học gồm:

a) Thực hiện nghiên cứu khoa học cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ mới và dự báo xu hướng phát triển khoa học công nghệ;

b) Chuyển hóa kết quả nghiên cứu vào chương trình đào tạo, phát triển chương trình đào tạo chất lượng cao, liên ngành, tích hợp nghiên cứu và khởi nghiệp sáng tạo;

c) Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nghiên cứu, đặc biệt là nghiên cứu sinh và đội ngũ sinh viên, học viên trẻ tài năng;

d) Tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp; tư vấn, phản biện, chuyển giao tri thức phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;

đ) Hợp tác với doanh nghiệp, viện nghiên cứu và địa phương để chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo;

e) Phổ biến tri thức khoa học, công bố kết quả nghiên cứu, đăng ký, bảo hộ và khai thác tài sản trí tuệ theo quy định của pháp luật;

g) Ứng dụng công nghệ số và công cụ phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và quản trị hoạt động đổi mới sáng tạo.

Điều 28. Phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học được thành lập tổ chức nghiên cứu, trung tâm đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ; phát triển nhóm nghiên cứu và sử dụng các nguồn lực hợp pháp để thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ.

2. Cơ sở giáo dục đại học phát triển tiềm lực khoa học công nghệ thông qua:

a) Hợp tác nghiên cứu khoa học ở trong và ngoài nước, thu hút chuyên gia, nhà khoa học, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia nghiên cứu, đào tạo;

b) Xây dựng và phát triển mạng lưới nghiên cứu, chuyển giao công nghệ gắn với đào tạo; phát triển hệ thống thông tin khoa học, tạp chí chuyên ngành, tài sản trí tuệ;

c) Quyết định về chế độ đãi ngộ, bổ nhiệm chức vụ quản lý, sử dụng và trọng dụng những nhà khoa học uy tín là người nước ngoài hoặc người Việt Nam ở trong và ngoài nước;

d) Định giá, sở hữu, khai thác và phân chia lợi ích từ kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ theo quy chế nội bộ của cơ sở và quy định của pháp luật.

3. Cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm:

a) Xây dựng và thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phù hợp với định hướng của Nhà nước và thực tiễn của cơ sở;

b) Gắn hoạt động nghiên cứu với đào tạo; bảo đảm hiệu quả, chất lượng và minh bạch;

c) Thực hiện các yêu cầu về quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tuân thủ quy tắc đạo đức và liêm chính trong nghiên cứu khoa học;

d) Quản lý, sử dụng hiệu quả tài sản công, tài sản hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học;

đ) Thành lập và vận hành quỹ phát triển khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật;

e) Phổ biến tri thức, định kỳ công bố kết quả, đánh giá tác động và hiệu quả ứng dụng của các hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo của cơ sở.

Điều 29. Giám sát, đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ

1. Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học được giám sát, đánh giá về hiệu quả, tác động đối với đào tạo nhân lực, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh.

2. Việc giám sát, đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được hỗ trợ bởi nền tảng số và các công cụ công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả, minh bạch và khả năng truy xuất thông tin.

3. Cơ sở giáo dục đại học định kỳ công khai năng lực và kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm tra, giám sát và đánh giá theo quy định tại Điều này.

Chương V
GIẢNG VIÊN, NHÂN VIÊN VÀ NGƯỜI HỌC

Điều 30. Vị trí, chức danh giảng viên đại học

1. Giảng viên đại học là người giảng dạy trình độ đại học, sau đại học tại cơ sở giáo dục đại học, đáp ứng trình độ chuẩn theo quy định của Luật Nhà giáo.

2. Vị trí giảng viên đại học được phân loại theo quan hệ lao động gồm:

a) Giảng viên cơ hữu: là nhà giáo làm việc toàn thời gian tại cơ sở giáo dục đại học theo quy định của Luật Nhà giáo;

b) Giảng viên đồng cơ hữu: là viên chức của cơ quan, tổ chức khác có trình độ chuyên môn phù hợp với ngành nghề, lĩnh vực đào tạo được cơ sở giáo dục đại học quyết định giao nhiệm vụ giảng dạy như giảng viên cơ hữu với thời hạn từ 01 năm trở lên;

c) Giảng viên thỉnh giảng: là người giảng dạy theo hợp đồng vụ việc;

d) Giảng viên hợp đồng sau nghỉ hưu: là giảng viên sau khi nghỉ hưu được cơ sở giáo dục ký hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học.

3. Giáo sư là chức danh cao nhất của giảng viên đại học, thể hiện năng lực, uy tín và vai trò dẫn dắt trong chuyên môn được đào tạo, khai phá và sáng tạo tri thức mới. Phó giáo sư là chức danh kế cận giáo sư. Các vị trí giáo sư, phó giáo sư gồm:

a) Giáo sư, phó giáo sư cơ hữu;

b) Giáo sư, phó giáo sư đồng cơ hữu;

c) Giáo sư, phó giáo sư thỉnh giảng theo hợp đồng vụ việc;

d) Giáo sư, phó giáo sư theo hợp đồng lao động.

3. Chính phủ hướng dẫn quy định tại điểm b khoản 2 và các chức danh khác của giảng viên đại học ngoài chức danh giáo sư, phó giáo sư quy định tại khoản 3 Điều này; Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc của các vị trí giảng viên đại học và chuẩn nghề nghiệp giảng viên đại học.

Điều 31. Nhiệm vụ và quyền của giảng viên đại học

1. Giảng viên đại học có các quyền và nghĩa vụ trong phạm vi hoạt động nghề nghiệp theo quy định của Luật Nhà giáo.

2. Giảng viên cơ hữu thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của giảng viên đại học theo quy định của Luật Nhà giáo và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật; được tạo điều kiện thực hành nghề tại cơ sở y tế đối với giảng viên giảng dạy trong lĩnh vực sức khỏe, tại cơ sở giáo dục đối với giảng viên các ngành đào tạo giáo viên; tại đơn vị biểu diễn nghệ thuật đối với giảng viên giảng dạy lĩnh vực nghệ thuật.

3. Giảng viên đồng cơ hữu thực hiện nhiệm vụ giảng dạy như giảng viên cơ hữu và các nhiệm vụ khác theo thỏa thuận với cơ sở giáo dục đại học và không trái với quy định của pháp luật.

4. Giảng viên thỉnh giảng và giảng viên là nhà giáo sau độ tuổi nghỉ hưu thực hiện nhiệm vụ giảng dạy theo thỏa thuận với cơ sở giáo dục đại học, bảo đảm chất lượng và trách nhiệm như giảng viên cơ hữu trong phạm vi công việc được giao.

Điều 32. Chính sách đối với giảng viên đại học

1. Giảng viên đại học được hưởng các chính sách chung của nhà giáo theo quy định của Luật Nhà giáo.

2. Nhà nước có chính sách phát triển đội ngũ giảng viên đại học theo định hướng chất lượng cao, chuyên sâu, gắn với yêu cầu hội nhập quốc tế và đổi mới sáng tạo, bao gồm:

a) Ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng giảng viên trình độ tiến sĩ, đặc biệt trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật, đổi mới sáng tạo, giáo dục đại học;

b) Hỗ trợ tài chính, học bổng, tạo điều kiện tiếp cận các chương trình đào tạo trình độ cao ở trong và ngoài nước đối với giảng viên trẻ, giảng viên tiềm năng;

c) Ưu tiên tuyển dụng, sử dụng, trọng dụng chuyên gia, nhà khoa học có uy tín, người có trình độ chuyên môn cao, người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài tham gia giảng dạy, nghiên cứu tại cơ sở giáo dục đại học;

d) Có cơ chế linh hoạt về định mức giờ giảng, chế độ đãi ngộ phù hợp với vị trí và chức danh và kết quả hoạt động chuyên môn, nghiên cứu của giảng viên.

3. Nhà nước khuyến khích cơ sở giáo dục đại học xây dựng và thực hiện chính sách đãi ngộ cạnh tranh, minh bạch, tạo môi trường học thuật thuận lợi, an toàn, sáng tạo, thúc đẩy phát triển nghề nghiệp liên tục đối với giảng viên.

4. Chính phủ quy định chi tiết chính sách thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ và phát triển đội ngũ giảng viên đại học phù hợp với định hướng phát triển giáo dục đại học từng giai đoạn.

Điều 33. Trợ giảng và nhân viên hỗ trợ giảng dạy

1. Trợ giảng là người hỗ trợ giảng dạy, thực hành, thí nghiệm, nghiên cứu, hướng dẫn người học, kiểm tra, đánh giá theo phân công của giảng viên.

2. Nhân viên hỗ trợ giảng dạy là người được cơ sở giáo dục đại học tuyển dụng hoặc hợp đồng để thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ giảng viên trong hoạt động giảng dạy, đào tạo và nghiên cứu khoa học.

3. Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, chế độ làm việc của trợ giảng và các hoạt động trợ giảng.

Điều 34. Người học

1. Người học là người đang học tập, nghiên cứu khoa học tại cơ sở giáo dục, bao gồm:

a) Sinh viên đại học;

b) Học viên sau đại học, gồm học viên thạc sĩ và nghiên cứu sinh tiến sĩ;

c) Người tham gia các khóa học, chương trình đào tạo, bồi dưỡng.

2. Người học thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Giáo dục và những quy định sau:

a) Được chủ động lựa chọn theo học các chương trình đào tạo phù hợp; được tham gia hoạt động trợ giảng, học thuật khác theo điều kiện của cơ sở giáo dục;

b) Được tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp; được hỗ trợ đăng ký bảo hộ bản quyền sở hữu trí tuệ, phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích thực hiện tại cơ sở giáo dục;

c) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ học phí và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và của cơ sở giáo dục.

Điều 35. Chính sách đối với người học

1. Người học được hưởng chính sách học bổng khuyến khích học tập, học bổng chính sách, trợ cấp xã hội, chế độ cử tuyển, miễn, giảm học phí và phí dịch vụ công theo quy định của Luật Giáo dục và pháp luật có liên quan.

2. Nhà nước có chính sách hỗ trợ học bổng, tín dụng ưu đãi, miễn học phí và trợ cấp đối với người học thuộc diện chính sách xã hội, có hoàn cảnh khó khăn hoặc theo học các ngành trọng điểm, ngành chuyên môn đặc thù phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh.

3. Người học được khuyến khích và hỗ trợ tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp trong cơ sở giáo dục đại học; người có thành tích xuất sắc hoặc đóng góp nổi bật được xem xét hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước hoặc nguồn lực hợp pháp của cơ sở giáo dục đại học.

4. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân hỗ trợ tài chính, xây dựng quỹ học bổng và trao học bổng, cung cấp dịch vụ tín dụng, bảo hiểm và các hình thức hỗ trợ khác cho người học.

5. Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ người học; Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn hỗ trợ của tổ chức, cá nhân dành cho người học.

Chương VI

BẢO ĐẢM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

Điều 36. Hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong

1. Cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm xây dựng, vận hành và phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong nhằm bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật, các tiêu chuẩn chất lượng trong nước hoặc quốc tế phù hợp với điều kiện thực tế, góp phần thực hiện chiến lược phát triển của nhà trường. Hệ thống này phải thúc đẩy văn hóa cải tiến liên tục, hỗ trợ ra quyết định dựa trên minh chứng, tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và quản trị nhà trường.

2. Hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong bao gồm các thành phần chủ yếu sau:

a) Cơ cấu tổ chức và nhân sự chuyên trách thực hiện công tác bảo đảm chất lượng;

b) Chính sách chất lượng thể hiện cam kết và định hướng về chất lượng; các văn bản hỗ trợ thực thi chính sách chất lượng của nhà trường;

c) Các công cụ phù hợp để thực hiện chính sách chất lượng, bao gồm: quy trình, công cụ tự đánh giá, hệ thống thu thập và phân tích minh chứng, phục vụ đối sánh và cải tiến theo các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế;

d) Cơ chế thu thập, phân tích thông tin, minh chứng và phản hồi từ các bên liên quan để phục vụ giám sát, đối sánh, đánh giá và cải tiến chất lượng;

đ) Hệ thống thông tin quản lý chất lượng phù hợp với năng lực phát triển của cơ sở giáo dục đại học; các điều kiện bảo đảm như cơ sở vật chất, tài chính phục vụ vận hành hiệu quả hệ thống.

Điều 37. Tiêu chuẩn đánh giá và kiểm định chất lượng

1. Tiêu chuẩn đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục đại học là căn cứ để xác định mức độ đạt được về chất lượng của cơ sở giáo dục đại học và chương trình đào tạo.

2. Tiêu chuẩn đánh giá và kiểm định được xây dựng phù hợp với sứ mạng, chức năng của cơ sở giáo dục đại học, tham chiếu các tiêu chuẩn khu vực và quốc tế.

3. Tiêu chuẩn đánh giá và kiểm định bao gồm:

a) Tiêu chuẩn đối với cơ sở giáo dục đại học;

b) Tiêu chuẩn đối với chương trình đào tạo.

4. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và hướng dẫn thực hiện tiêu chuẩn đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục đại học.

Điều 38. Đánh giá chất lượng giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học và chương trình đào tạo phải được đánh giá chất lượng định kỳ theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Hình thức đánh giá chất lượng bao gồm:

a) Tự đánh giá do cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện;

b) Đánh giá ngoài do tổ chức có năng lực chuyên môn thực hiện.

3. Kết quả đánh giá chất lượng là căn cứ để cải tiến hoạt động, công khai thông tin, thực hiện trách nhiệm giải trình và chuẩn bị cho kiểm định chất lượng.

4. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn nội dung, quy trình và chu kỳ đánh giá chất lượng giáo dục đại học; bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng là căn cứ định hướng hoạt động bảo đảm chất lượng nội bộ, phục vụ tự đánh giá và cải tiến liên tục tại cơ sở giáo dục đại học.

Điều 39. Kiểm định giáo dục đại học

1. Đối tượng phải thực hiện kiểm định định kỳ bao gồm:

a) Các cơ sở giáo dục đại học;

b) Các chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực đào tạo giáo viên, khoa học sức khỏe, pháp luật, an ninh và quốc phòng; các chương trình đào tạo mới mở; các chương trình được cơ quan có thẩm quyền đặt hàng, giao nhiệm vụ và chương trình khác do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định.

2. Cơ sở giáo dục được quyết định lựa chọn tổ chức kiểm định phù hợp, đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Tổ chức kiểm định trong nước được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động, thực hiện đánh giá ngoài, kiểm định theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hoặc theo bộ tiêu chuẩn do tổ chức kiểm định chất lượng xây dựng phù hợp với khung tiêu chuẩn quốc tế, được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định, công nhận và cho phép áp dụng, trên cơ sở tổ chức đó được tổ chức quốc tế có thẩm quyền công nhận;

b) Tổ chức kiểm định nước ngoài có uy tín quốc tế, được công nhận hoạt động tại Việt Nam đánh giá, kiểm định theo tiêu chuẩn quốc tế.

3. Hoạt động kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo của các tổ chức kiểm định trong nước là dịch vụ công có thu phí, thực hiện theo quy định của pháp luật về phí dịch vụ kiểm định chất lượng giáo dục. Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm định chất lượng giáo dục đối với chương trình đào tạo và cơ sở giáo dục do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định.

4. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn nội dung, quy trình và chu kỳ kiểm định; quy định cơ chế giám sát và đánh giá tổ chức kiểm định, thẩm định kết quả kiểm định và xử lý vi phạm.

Điều 40. Xếp hạng cơ sở giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học chủ động lựa chọn bảng xếp hạng phù hợp với định hướng phát triển; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của dữ liệu cung cấp cho tổ chức xếp hạng và công khai kết quả xếp hạng.

2. Tổ chức thực hiện xếp hạng phải có tư cách pháp nhân, năng lực chuyên môn độc lập, công khai phương pháp, tiêu chí, trọng số và nguồn dữ liệu sử dụng; chịu trách nhiệm về tính trung thực, minh bạch, khách quan của kết quả xếp hạng.

3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo giám sát hoạt động xếp hạng và phối hợp xử lý hành vi gian lận, thiên vị hoặc cung cấp thông tin sai lệch.

Chương VII

TÀI CHÍNH, TÀI SẢN

Điều 41. Chính sách tài chính và đầu tư của nhà nước cho giáo dục đại học

1. Nhà nước ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục đại học theo chiến lược, quy hoạch và định hướng phát triển hệ thống giáo dục đại học quốc gia; tập trung đầu tư bảo đảm đạt chuẩn cơ sở giáo dục đại học và hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hình thành và phát triển các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm, ngành đào tạo ưu tiên phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

2. Việc phân bổ ngân sách nhà nước cho cơ sở giáo dục đại học công lập được thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch, cạnh tranh, phù hợp với sứ mệnh của cơ sở giáo dục đại học, dựa trên chỉ số chất lượng và hiệu quả hoạt

động, phù hợp với định hướng phát triển của hệ thống giáo dục đại học; bảo đảm yếu tố vùng miền và ưu tiên các cơ sở đào tạo nhân lực chất lượng cao, ngành đào tạo trọng điểm.

3. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện cao nhất để cơ sở giáo dục đại học huy động các nguồn lực tài chính hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước để đầu tư phát triển, nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; cơ sở giáo dục đại học công lập được thực hiện quyền tự chủ trong sử dụng các nguồn lực này theo quy định của pháp luật.

4. Cơ sở giáo dục đại học được áp dụng mức ưu đãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; được tự chủ vận động và tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản viện trợ không hoàn lại không thuộc diện hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật.

5. Nhà nước thực hiện chính sách học phí, học bổng và hỗ trợ tài chính, tín dụng ưu đãi cho người học nhằm bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục đại học và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quốc gia. Ưu tiên hỗ trợ người học tham gia các chương trình đào tạo sau đại học, các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt, công nghệ chiến lược, các chương trình đào tạo nâng cao năng lực, phát triển đội ngũ giảng viên đại học có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục đại học.

6. Nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ đào tạo đối với ngành đào tạo giáo viên và các ngành trọng điểm theo cơ chế gắn với kết quả đầu ra. Kinh phí hỗ trợ được cấp theo kết quả đào tạo đầu ra để cơ sở giáo dục đại học chủ động sử dụng nhằm tăng cường năng lực đào tạo và hỗ trợ người học.

7. Cơ sở giáo dục đại học được hưởng các mức ưu đãi cao nhất theo quy định của pháp luật về thuế, đất đai, tín dụng và tài trợ, đặc biệt đối với cơ sở hoạt động không vì lợi nhuận và các hoạt động hợp tác, đầu tư, tài trợ cho giáo dục đại học.

8. Nhà nước có chính sách hỗ trợ người học tham gia các chương trình đào tạo tiến sĩ, chương trình đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên đại học nhằm phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục đại học.

9. Chính phủ quy định chi tiết nội dung của điều này, bao gồm:

a) Ưu tiên đầu tư công vốn ngân sách nhà nước cho giáo dục đại học;

b) Mức trần học phí và phương pháp xác định học phí gắn với chất lượng đào tạo;

c) Đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ học phí, học bổng, tín dụng ưu đãi cho người học;

d) Cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo theo đầu ra;

đ) Quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học công lập về tài chính, tài sản, đầu tư;

e) Mức và điều kiện áp dụng các chính sách tín dụng, viện trợ và tài trợ cho giáo dục đại học.

Điều 42. Tài chính của cơ sở giáo dục đại học công lập

1. Nguồn thu của cơ sở giáo dục đại học công lập bao gồm:

a) Ngân sách nhà nước cấp để đầu tư phát triển, thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khoa học - công nghệ, nhiệm vụ được đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo, chế độ, chính sách đối với giảng viên và sinh viên;

b) Kinh phí tài trợ, viện trợ, tặng cho hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;

c) Thu từ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; thu từ dịch vụ hỗ trợ giáo dục, sản xuất, kinh doanh; thu từ cho thuê tài sản, lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản thu hợp pháp khác;

d) Nguồn vốn vay hợp pháp trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

đ) Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở giáo dục đại học công lập thực hiện chi đầu tư phát triển cơ sở vật chất theo quy định của pháp luật về đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan; chi thực hiện nhiệm vụ đặt hàng, giao nhiệm vụ theo quy định của Chính phủ về đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo.

3. Cơ sở giáo dục đại học công lập được thực hiện quyền tự chủ tài chính, sử dụng các nguồn thu hợp pháp để thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển đội ngũ, đầu tư cơ sở vật chất và các hoạt động giáo dục khác, theo quy định sau:

a) Quyết định nội dung, mức chi từ nguồn thu học phí, nguồn đặt hàng, giao nhiệm vụ và các khoản thu sự nghiệp, bao gồm chi tiền lương, chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý và chi thuê chuyên gia, phù hợp với khả năng tài chính và quy chế chi tiêu nội bộ;

b) Quyết định nghiên cứu, chuyển giao công nghệ từ nguồn thu hợp pháp, bảo đảm hiệu quả và công khai, minh bạch;

c) Thực hiện phân phối kết quả tài chính cuối năm theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 43. Tài chính của cơ sở giáo dục đại học tư thục

1. Cơ sở giáo dục đại học tư thục được thực hiện quyền tự chủ tài chính, tự chủ quyết định mức thu, chi, phân phối kết quả tài chính, trích lập quỹ theo quy định của pháp luật và điều lệ, quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học; thực hiện công khai mức thu học phí và các khoản thu dịch vụ phục

vụ, hỗ trợ giáo dục, đào tạo theo cam kết trong đề án thành lập trường, công khai cho từng khóa học, cấp học, năm học theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở giáo dục đại học tư thục có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước; tuân thủ quy định của pháp luật về kế toán, kiểm toán, thuế, định giá tài sản và công khai tài chính.

3. Các khoản thu của cơ sở giáo dục đại học tư thục được sử dụng cho các mục tiêu sau:

a) Chi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, đầu tư phát triển, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị;

b) Chi trả nghĩa vụ tài chính với Nhà nước;

c) Trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật;

d) Phân phối phần thu nhập còn lại cho nhà đầu tư theo tỷ lệ vốn góp, trừ trường hợp cơ sở hoạt động không vì lợi nhuận.

4. Phần chênh lệch thu lớn hơn chi hằng năm từ hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ phải dành tối thiểu 25% để đầu tư trở lại cho phát triển cơ sở giáo dục, xây dựng cơ sở vật chất, phát triển đội ngũ, nâng cao chất lượng đào tạo và thực hiện trách nhiệm xã hội.

Đối với cơ sở giáo dục đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận, toàn bộ phần chênh lệch thu - chi tích lũy hằng năm là tài sản chung hợp nhất không phân chia của nhà trường, được sử dụng để đầu tư phát triển cơ sở giáo dục theo nguyên tắc không hoàn lại.

Điều 44. Học phí và các khoản thu dịch vụ khác

1. Cơ sở giáo dục đại học xác định mức thu học phí theo nguyên tắc đủ bù đắp chi phí, có tích lũy hợp lý, bảo đảm chất lượng; mức thu học phí của cơ sở giáo dục đại học công lập không vượt mức trần học phí theo quy định của Chính phủ.

2. Cơ sở giáo dục đại học phải công khai chi phí đào tạo, mức học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và các khoản thu dịch vụ khác cho từng năm học và toàn khóa; có trách nhiệm trích một phần nguồn thu để thực hiện miễn, giảm, hỗ trợ học phí đối với người học có hoàn cảnh khó khăn, người học thuộc đối tượng chính sách theo quy định của Nhà nước và chính sách riêng của cơ sở giáo dục.

3. Mức thu dịch vụ tuyển sinh và các khoản thu dịch vụ khác được xác định trên nguyên tắc tính đủ chi phí hợp lý, thực tế phát sinh, bảo đảm minh bạch và đúng mục đích sử dụng.

Điều 45. Quản lý và sử dụng tài sản của cơ sở giáo dục đại học công lập

1. Tài sản của cơ sở giáo dục đại học công lập được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Cơ sở giáo dục đại học công lập có trách nhiệm bảo toàn, phát triển, sử dụng hiệu quả tài sản được giao; công khai, minh bạch trong khai thác, sử dụng và thanh lý tài sản theo quy định.

Điều 46. Quản lý và sử dụng tài sản của cơ sở giáo dục đại học tư thục

1. Tài sản thuộc sở hữu nhà nước và quyền sử dụng đất được Nhà nước giao phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật về tài sản công và pháp luật về đất đai; không được chuyển thành sở hữu cá nhân dưới bất kỳ hình thức nào. Việc chuyển đổi mục đích sử dụng các tài sản này phải tuân thủ nguyên tắc bảo toàn và phát triển và thực hiện theo quy định pháp luật.

2. Tài sản chung hợp nhất không phân chia trong cơ sở giáo dục đại học tư thục:

a) Các tài sản bao gồm: tài sản được viện trợ, tài trợ, hiến tặng, cho tặng và các tài sản khác được xác lập là tài sản không phân chia theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của người hiến tặng là tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia của cộng đồng nhà trường;

b) Hội đồng trường quản lý, sử dụng tài sản quy định tại khoản a Điều này vì mục tiêu phát triển bền vững của cơ sở giáo dục và phục vụ lợi ích chung; không được chuyển thành sở hữu cá nhân hoặc định giá để phân chia trong mọi trường hợp;

c) Trường hợp chuyển nhượng vốn, tài sản quy định tại khoản a Điều này không được tính vào giá trị tài sản được định giá của cơ sở giáo dục đại học;

d) Trường hợp cơ sở giáo dục đại học giải thể, tài sản quy định tại khoản a Điều này được chuyển giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý, sử dụng cho mục đích phát triển giáo dục đại học.

3. Đối với tài sản thuộc sở hữu tư nhân của nhà đầu tư, không thuộc quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cơ sở giáo dục đại học có quyền quản lý, sử dụng, định đoạt theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan, đồng thời phải bảo đảm minh bạch, đúng mục đích hoạt động, không gây phương hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người học và cộng đồng.

4. Tài sản của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài được Nhà nước bảo hộ theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; việc quản lý, sử dụng tài sản phải tuân thủ pháp luật Việt Nam và các cam kết quốc tế có liên quan.

Chương VIII

HỢP TÁC VÀ ĐẦU TƯ TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Điều 47. Chính sách của Nhà nước về hợp tác và đầu tư trong giáo dục đại học

1. Chính sách của Nhà nước về hợp tác và đầu tư trong giáo dục đại học bao gồm:

a) Ưu đãi, khuyến khích hợp tác, đầu tư trong lĩnh vực giáo dục đại học; thúc đẩy các hình thức hợp tác công - tư trong phát triển giáo dục đại học;

b) Hỗ trợ cơ sở giáo dục đại học Việt Nam cung cấp dịch vụ giáo dục ra nước ngoài;

c) Ưu tiên bố trí kinh phí, hỗ trợ giảng viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước và ở nước ngoài trong các lĩnh vực ngành, nghề trọng điểm, công nghệ mới phục vụ nhiệm vụ chiến lược phát triển quốc gia;

d) Tăng cường giao lưu, trao đổi giảng viên và người học giữa các cơ sở đào tạo ở trong và ngoài nước.

2. Chính phủ quy định chi tiết các chính sách ưu đãi, hỗ trợ, hình thức hợp tác và cơ chế thu hút đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 48. Hợp tác và liên kết đào tạo

1. Cơ sở giáo dục đại học được hợp tác với cơ sở đào tạo, cơ quan nhà nước, viện nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức nghề nghiệp trong và ngoài nước để triển khai hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, thực hành, thực tập và các hoạt động khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ.

2. Cơ sở giáo dục đại học được liên kết đào tạo với cơ sở đào tạo trong nước hoặc nước ngoài để cùng thực hiện chương trình đào tạo cấp văn bằng hoặc chứng chỉ.

3. Hoạt động hợp tác và liên kết đào tạo phải tuân thủ pháp luật Việt Nam và pháp luật của nước đối tác theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, bảo đảm chất lượng đào tạo, minh bạch và quyền, lợi ích hợp pháp của các bên liên quan.

4. Cơ sở giáo dục đại học chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, người học và xã hội về hoạt động hợp tác và liên kết đào tạo; ban hành và thực hiện quy định nội bộ để quản lý các hoạt động liên quan.

5. Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục và thẩm quyền quyết định đối với hoạt động hợp tác và liên kết đào tạo trong nước và với nước ngoài.

Điều 49. Đầu tư trong giáo dục đại học

1. Hoạt động đầu tư trong giáo dục đại học phải tuân thủ pháp luật về đầu tư, giáo dục và các quy định có liên quan; phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển giáo dục đại học; tôn trọng quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên liên quan.

2. Nhà nước có chính sách khuyến khích, ưu đãi nhà đầu tư trong nước và nước ngoài vào giáo dục đại học, đặc biệt trong các lĩnh vực ưu tiên, công nghệ mới, đào tạo nhân lực chất lượng cao.

3. Đầu tư với nước ngoài trong giáo dục đại học phải phù hợp với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; được thực hiện trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, bảo đảm lợi ích quốc gia; góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao tri thức, ứng dụng công nghệ số và phát triển bền vững.

4. Nhà nước thống nhất quản lý hoạt động đầu tư trong và ngoài nước trong giáo dục đại học; hỗ trợ cơ sở giáo dục đại học nâng cao năng lực tiếp

nhận đầu tư, chuyển giao công nghệ, ứng dụng số và tham gia các mạng lưới giáo dục đại học toàn cầu.

5. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, lĩnh vực ưu tiên, quy trình đầu tư, cơ chế phối hợp, chế độ báo cáo và xử lý vi phạm đối với hoạt động đầu tư trong và ngoài nước trong giáo dục đại học.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 50. Xử lí vi phạm

1. Cơ sở đào tạo, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của Luật này và các quy định pháp luật có liên quan tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Hình thức xử lý vi phạm bao gồm: khiển trách, cảnh cáo, xử phạt vi phạm hành chính, đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy phép hoạt động, xử lý kỷ luật, bồi thường thiệt hại hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Chính phủ quy định chi tiết hình thức, thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm trong lĩnh vực giáo dục đại học; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc phát hiện, xử lý và khắc phục hậu quả vi phạm.

Điều 51. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan

1. Chính phủ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan, tổ chức có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tổ chức rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới các quy định của luật, pháp lệnh có liên quan để bảo đảm thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật này.

2. Việc áp dụng pháp luật trong trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và các luật được ban hành trước đó thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 52. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng ... năm ...

2. Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

Điều 53.Trách nhiệm thi hành

Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Luật này.

Điều 54. Điều khoản chuyển tiếp

1. Cơ sở giáo dục đại học được thành lập trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành tiếp tục được công nhận theo quy định tại thời điểm thành lập. Từ thời điểm Luật này có hiệu lực, tổ chức và hoạt động của cơ sở phải tuân thủ quy định của Luật này.

2. Hội đồng trường, chức danh quản lý, cơ cấu tổ chức được thành lập, bổ nhiệm trước ngày Luật này có hiệu lực tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ; việc thành lập, bổ nhiệm sau thời điểm này thực hiện theo Luật này.

3. Chương trình, ngành đào tạo đã được phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực tiếp tục được thực hiện theo quyết định đã ban hành; việc mở mới, điều chỉnh thực hiện theo Luật này và pháp luật có liên quan.

4. Thủ tục hành chính tiếp nhận trước ngày Luật này có hiệu lực được giải quyết theo pháp luật tại thời điểm tiếp nhận; trường hợp không còn phù hợp, thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

5. Cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh nội dung, tổ chức, hoạt động để phù hợp với Luật này trong thời hạn do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

6. Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn xử lý các nội dung chuyển tiếp, bảo đảm thi hành thống nhất Luật này.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm ...

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn